TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 378/2023/HC-PT
Ngày: 31-5-2023
V/v khiếu kiện Quyết định và hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hòa

C*ác Thẩm phán*: Bà Trần Thị Thu Thủy

Ông Dương Tuấn Vinh

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Thân Văn Nhường – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Anh Dũng – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 191/2023/TLPT-HC ngày 20 tháng 3 năm 2023, về vụ án *"Khiếu kiện quyết định và hành vi hành chính, trong lĩnh vực quản lý đất đai".* Do Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2023/HC-ST ngày 04 tháng 01 năm 2023, của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số:1061/2023/QĐPT-HC ngày 10 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

**** Người khởi kiện:*** Ông Phạm Thanh L, sinh năm 1952 và bà Lê Thu T, sinh năm 1966; Cùng địa chỉ: 6 H, phường H, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (Vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của ông L, *bà* T*:* Ông Phan Minh Đ, sinh năm 1979; địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Theo Văn bản ủy quyền Số công chứng: 3082, quyển số 01/2022 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 06/9/2022, của Văn phòng C, địa chỉ số B N, phường G, thành phố V, tỉnh Bà Rịa, Vũng Tàu (Vắng mặt).

**** Người bị kiện:*** Ủy ban nhân dân thành phố V. Địa chỉ: H L, phường A, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Vũ T1, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V (Có đơn xin xét xử vắng mặt số 3594/UBND-VP, ngày 29/5/2023).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Ủy ban nhân dân thành phố V*:* Ông Dương Văn T2 - Chức vụ: Chuyên viên Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố V (có mặt). (Đại diện theo văn bản số 3594/UBND-VP, ngày 29/5/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố V).

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*** Ủy ban nhân dân phường A, thành phố V; Địa chỉ: 2 L, phường A, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Trung T3, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Phường A, thành phố V (có đơn xin xét xử vắng mặt).

**** Người kháng cáo:*** Người bị kiện Ủy ban nhân dân Thành phố V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 10/8/2022, và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, người khởi kiện và người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày:

Gia đình ông Phạm Thanh L, bà Lê Thu T đang sử dụng diện tích 6.191,3m^2 đất (theo đo đạc thực tế) thuộc các thửa đất số 16, 26, 55/21 (cũ 32, 33, 35), tờ bản đồ số 93 (cũ 25), tọa lạc tại Phường A, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Toàn bộ diện tích các thửa đất nêu trên có nguồn gốc do được Nông trường Quốc doanh P giao cho ông L, bà T sử dụng và họ đã sử dụng ổn định, liên tục từ tháng 6 năm 1985 đến nay. Quá trình sử dụng có thực hiện việc kê khai, nộp thuế sử dụng đất đầy đủ hàng năm, theo quy định. Sau đó, Trạm Rađa 33 về đóng quân trên phần đất này của ông L, bà T, để xây dựng doanh trại, trận địa, nên hai bên đã xảy ra tranh chấp. Ông L, bà T liên tục gửi đơn đến cơ quan chức năng yêu cầu giải quyết trả lại đất, nhưng do tranh chấp chậm được giải quyết và Trạm Rađa ngăn cản, nên ông L, bà T không được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Đến ngày 08/02/2018, Bộ trưởng Bộ T4 đã ban hành Quyết định số 453/QĐ-BTNMT về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa ông Phạm Thanh L với Trạm Rađa 33, Trung đoàn 294, Sư đoàn C1, Quân chủng Phòng không Không quân, nội dung không công nhận quyền sử dụng đất cho Trạm Rađa 33 và đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh B giao Ủy ban nhân dân thành phố V xem xét cho ông Phạm Thanh L sử dụng diện tích đất này, vào mục đích sản xuất nông nghiệp. Bộ T4 có Công văn số 3469/BTNMT-TTr ngày 18/7/2019 về việc phúc đáp văn bản số 4793/UBND-VP ngày 20/5/2019, của Ủy ban nhân dân tỉnh B, đề nghị công nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp cho gia đình ông L, bà T.

Ngày 01/7/2020, Ủy ban nhân dân tỉnh B ban hành Công văn số 6697/UBND-VP, về việc tổ chức thực hiện Quyết định số 453/QĐ-BTNMT, của Bộ trưởng Bộ T4.

Ủy ban nhân dân thành phố V cũng đã tổ chức thực hiện Quyết định số 453/QĐ-BTNMT ngày 08/02/2018 của Bộ trưởng Bộ T4, theo Văn bản số 5649/UBND-TNMT ngày 31/7/2020. Theo đó, ông L đồng ý tiếp nhận (đã quản lý và đang sử dụng) đối với phần diện tích đất đo đạc thực tế là 6191,1m^2 gồm các lô (Lô A + Lô B + Lô C) thuộc mảnh trích đo địa chính, đã được Sở Tài nguyên và Môi trường duyệt ngày 28/5/2020, để lập thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phần diện tích đất này, theo quy định của pháp luật. Gia đình ông L, bà T đã nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại Bộ phận một cửa, thuộc Ủy ban nhân dân thành phố V (*mã số tiếp nhận hồ sơ số 2020.19296)* theo quy định.

Sau đó, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố V đã ký xác nhận hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông L, bà T đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và có Phiếu chuyển thông tin địa chính đến Chi cục thuế khu vực Vũng Tàu - C. Ngày 21/01/2021, Chi cục thuế khu vực V - Côn Đảo có Thông báo nộp lệ phí trước bạ nhà, đất số LTB2171701-TK0002319/TB-CCT và ông L, bà T cũng đã nộp xong lệ phí trước bạ nhà, đất.

Tuy nhiên, ngày 27/7/2022, Ủy ban nhân dân thành phố V lại ban hành Văn bản số 6622/UBND-TNMT, về việc trả hồ sơ không cấp giấy chứng nhận của ông L, bà T, đối với diện tích đất 6.191,3m^2, thuộc các thửa đất số 16, 26, 55/21 (cũ 32, 33, 35), tờ bản đồ số 93 (cũ 25), tọa lạc tại Phường A, thành phố V.

Xét thấy, việc Ủy ban nhân thành phố V ban hành Văn bản số 6622/UBND-TNMT ngày 27/7/2022, về việc trả hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông L, bà T, đối với diện tích đất trên, là trái pháp luật, gây ảnh hưởng nghiêm trọng quyền và lợi ích hợp pháp của họ.

Do đó, ngày 15/8/2022, ông L, bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xem xét giải quyết:

- Hủy Văn bản số 6622/UBND-TNMT ngày 27/7/2022, của Ủy ban nhân dân thành phố V, về việc trả hồ sơ không cấp Giấy chứng nhận của ông, bà Phạm Thanh L - Lê Thu T, tại Phường A, thành phố V *(gọi tắt là Văn bản số 6622)*.

- Buộc Ủy ban nhân dân thành phố V tiếp nhận lại hồ sơ và giải quyết cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông, bà Phạm Thanh L - Lê Thu T, đối với diện tích đất 6.191,3m^2, thuộc các thửa đất số 16, 26, 55/21 (cũ 32, 33, 35), tờ bản đồ số 93 (cũ 25), tọa lạc tại Phường A, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố V *và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp trình bày:*

- Về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất:

+ Theo kê khai của người sử dụng đất: Được sử dụng đất theo Quyết định số 453/QĐ-BTNMT ngày 08/02/2018 của Bộ trưởng Bộ T4.

+ Theo xác nhận tại đơn đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 16/9/2020, của Ủy ban nhân dân Phường A, thì đất có nguồn gốc như sau:

"Thửa đất được Bộ T4 *chỉ đạo* Ủy ban nhân dân tỉnh B *giao* Ủy ban nhân dân thành phố V *xem xét cho ông* Phạm Thanh L *sử dụng theo Quyết định số 453/QĐ-BTNMT ngày 08/02/2018. Ngày 01/7/2020,* Ủy ban nhân dân tỉnh B *có Văn bản số 6697/UBND-VP về việc tổ chức thực hiện quyết định số 453/QĐ-BTNMT ngày 08/02/2018 của* Bộ T4 *(vụ ông* Phạm Thanh L*). Ngày 31/7/2020* Ủy ban nhân dân thành phố V *có Văn bản số 5649/UBND-TNMT về việc báo cáo tổ chức thi hành xong Quyết định số 453/QĐ-BTNMT ngày 08/02/2018 của* Bộ T4 *về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa ông* Phạm Thanh L *với Ra Đa 33, Trung đoàn 294,* Sư đoàn C1*, Quân chủng Phòng không Không quân. Hiện trạng: Đất trống".*

Tại Quyết định số 453/QĐ-UBND ngày 08/02/2018, của Bộ trưởng Bộ T4 (gọi tắt là Quyết định số 453), có nội dung: *"Ủy ban nhân dân tỉnh B giao* Ủy ban nhân dân thành phố V *xem xét cho ông* Phạm Thanh L *sử dụng diện tích đất nêu trên vào mục đích sản xuất nông nghiệp"*. Quyết định này không công nhận quyền sử dụng đất cho ông Phạm Thanh L sử dụng, mà chỉ có nội dung Ủy ban nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân thành phố V xem xét cho ông Phạm Thanh L sử dụng diện tích đất nêu trên vào mục đích sản xuất nông nghiệp, còn sử dụng theo hình thức nào (theo hình thức giao đất có thu tiền sử dụng đất, giao đất không thu tiền sử dụng đất, công nhận quyền sử dụng đất có thu tiền hoặc không thu tiền sử dụng đất và giao đất thì phải thông qua hình thức quyết định), thì Quyết định số 453 chưa nêu cụ thể. Đồng thời, Quyết định số 453 cũng không có nội dung buộc Ủy ban nhân dân thành phố V phải cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Phạm Thanh L theo hình thức giao đất, hoặc công nhận quyền sử dụng đất, theo quy định của pháp luật, nên không thuộc trường hợp sử dụng đất theo quy định tại khoản 3 Điều 100 Luật Đất đai năm 2013.

Đến ngày 18/7/2019, Bộ T4 tiếp tục có Văn bản số 3469/BTNMT-TTr đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh X, giao đất cho ông Phạm Thanh L sử dụng theo hình thức như trường hợp Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, Luật Đất đai năm 2013 quy định về việc công nhận quyền sử dụng đất: *"Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất là việc Nhà nước trao quyền sử dụng đất cho người đang sử dụng đất ổn định mà không có nguồn gốc được Nhà nước giao đất, cho thuê đất thông qua việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu đối với thửa đất xác định".*

Theo quy định trên, thì trường hợp sử dụng đất của ông L, bà T có nguồn gốc đã được Nhà nước giao không đúng thẩm quyền, nên không thuộc trường hợp được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất.

Do đó, Ủy ban nhân dân thành phố V sẽ xem xét việc giải quyết hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông L, bà T theo quy định của pháp luật (đối chiếu thông tin quy hoạch, ranh giới đất lâm nghiệp, tình trạng chồng lấn ranh giới và quá trình sử dụng đất ổn định, liên tục theo quy định của pháp luật…).

Tuy nhiên, trong tổng diện tích 6.191,3m^2 đất ông L, bà T đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thì có 5.367,0m^2 đất, nằm trong ranh giới đất theo Quyết định số 6271/QĐ-UBND ngày 05/8/2002, của Ủy ban nhân dân tỉnh B, về

việc giao đất rừng và đất lâm nghiệp nằm ngoài quy hoạch lâm nghiệp cho Ủy ban nhân dân thành phố V quản lý. Về nội dung này, không được Bộ T4 xem xét đề cập tại Quyết định số 453/QĐ-BTNMT ngày 08/02/2018 và Văn bản số 3469/BTNMT-TTr ngày 18/7/2019. Hiện nay, Quyết định số 6271/QĐ-UBND ngày 05/8/2002, của Ủy ban nhân dân tỉnh B chưa được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh, thay thế hoặc hủy bỏ theo quy định (Ủy ban nhân dân thành phố V vẫn đang thực hiện việc quản lý, trong đó gồm phần diện tích 5.367,0m^2 đất mà ông L, bà T đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất).

Đối với diện tích đất còn lại 824,3m^2, nằm ngoài ranh giới đất theo Quyết định số 6271/QĐ-UBND ngày 05/8/2002 của Ủy ban nhân dân tỉnh B, tuy nhiên tại Quyết định số 453/QĐ-BTNMT ngày 08/02/2018 vẫn không có nội dung công nhận quyền sử dụng đất cho một trong các bên tranh chấp sử dụng. Bên cạnh đó, ông L, bà T không trực tiếp sử dụng ổn định, liên tục thửa đất từ thời điểm đã được giao không đúng thẩm quyền từ năm 1985 đến nay *(Do thửa đất có tranh chấp với Trạm Rađa 33, thuộc* Trung đoàn B, Sư đoàn C1*, Quân chủng Phòng không Không quân, đến ngày 08/02/2018 Bộ trưởng* Bộ T4 *mới có Quyết định số 453/QĐ-BTNMT ngày 08/02/2018 về việc giải quyết tranh chấp),* Sở T5 tổ chức bàn giao đất tại thực địa và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh C2 giao Ủy ban nhân dân thành phố V, Ủy ban nhân dân Phường A quản lý chặt chẽ khu đất không để bị lấn, chiếm.

Căn cứ hồ sơ pháp lý, nội dung kê khai của người sử dụng đất, và xác nhận của Ủy ban nhân dân Phường A nêu trên, thì trường hợp sử dụng đất của ông bà Phạm Thanh L - Lê Thu T được quyền sử dụng theo Quyết định số 453/QĐ-BTNMT ngày 08/02/2018 của Bộ trưởng Bộ T4. Tuy nhiên, như đã phân tích ở trên thì Quyết định này không công nhận quyền sử dụng đất cho ông Phạm Thanh L sử dụng.

Do vậy, ngày 27/7/2022, Ủy ban nhân dân thành phố V ban hành Văn bản số 6622/UBND-TNMT, về việc về việc trả hồ sơ không cấp Giấy chứng nhận của ông, bà Phạm Thanh L - L tại Phường A, thành phố V, là đúng theo quy định của pháp luật.

Việc ông Phạm Thanh L, bà Lê Thu T khởi kiện yêu cầu tuyên hủy Văn bản số 6622/UBND-TNMT ngày 27/7/2022, của Ủy ban nhân dân thành phố V, là không có căn cứ để chấp nhận, nên đề nghị Tòa án bác đơn yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Thanh L và bà Lê Thu T.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân Phường A, thành phố V *trình bày:*

Ủy ban nhân dân Phường A có đơn xin xét xử vắng mặt theo Văn bản số 2822/UBND-VP ngày 12/12/2022, và không có ý kiến gì.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2023/HC-ST ngày 04 tháng 01 năm 2023, Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Thanh L và bà Lê Thu T:

- Hủy Văn bản số 6622/UBND-TNMT ngày 27/7/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố V về việc trả hồ sơ không cấp Giấy chứng nhận của ông (bà) Phạm Thanh L - L tại Phường A, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Buộc Ủy ban nhân dân thành phố V thực hiện nhiệm vụ, công vụ giải quyết hồ sơ và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Phạm Thanh L và bà Lê Thu T đối với diện tích khoảng 6.191,3m^2 đất thuộc các thửa đất số 16, 26, 55/21 (cũ 32, 33, 35), tờ bản đồ số 93 (cũ 25), tọa lạc tại Phường A, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 19/01/2023, người bị kiện Ủy ban nhân dân Thành phố V kháng cáo đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Thanh L và bà Lê Thu T.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo của người bị kiện, vì: ông L, bà T khai được sử dụng đất theo Quyết định số 453/QĐ-BTNMT ngày 08/02/2018, của Bộ trưởng Bộ T4. Tuy nhiên, Quyết định số 453 không công nhận quyền sử dụng đất cho ông Phạm Thanh L sử dụng, mà chỉ có nội dung Ủy ban nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân thành phố V xem xét cho ông Phạm Thanh L sử dụng diện tích đất nêu trên vào mục đích sản xuất nông nghiệp, còn sử dụng theo hình thức nào (theo hình thức giao đất có thu tiền sử dụng đất, giao đất không thu tiền sử dụng đất, công nhận quyền sử dụng đất có thu tiền hoặc không thu tiền sử dụng đất và giao đất thì phải thông qua hình thức quyết định), thì Quyết định số 453 chưa nêu cụ thể. Đồng thời, Quyết định số 453 cũng không có nội dung buộc Ủy ban nhân dân thành phố V phải cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Phạm Thanh L theo hình thức giao đất, hoặc công nhận quyền sử dụng đất, theo quy định của pháp luật, nên không thuộc trường hợp sử dụng đất theo quy định tại khoản 3 Điều 100 Luật Đất đai năm 2013.

Đến ngày 18/7/2019, Bộ T4 tiếp tục có Văn bản số 3469/BTNMT-TTr đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh X, giao đất cho ông Phạm Thanh L sử dụng theo hình thức như trường hợp Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, do trường hợp sử dụng đất của ông L, bà T có nguồn gốc đã được nông trường giao không đúng thẩm quyền, nên không thuộc trường hợp được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất.

Mặt khác, trong tổng diện tích 6.191,3m^2 đất ông L, bà T đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thì có 5.367,0m^2 đất, nằm trong ranh giới đất theo Quyết định số 6271/QĐ-UBND ngày 05/8/2002, của Ủy ban nhân dân tỉnh B, về việc giao đất rừng và đất lâm nghiệp nằm ngoài quy hoạch lâm nghiệp cho Ủy ban nhân dân thành phố V quản lý.

Vì các lý do trên, ngày 27/7/2022, Ủy ban nhân dân thành phố V ban hành Văn bản số 6622/UBND-TNMT, về việc về việc trả hồ sơ không cấp Giấy chứng nhận của ông, bà Phạm Thanh L - L tại Phường A, thành phố V, là đúng theo quy định của pháp luật.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Thanh L, bà Lê Thu T, tuyên hủy Văn bản số 6622/UBND-TNMT ngày 27/7/2022, của Ủy ban nhân dân thành phố V, và buộc Ủy ban nhân dân thành phố V phải thực hiện nhiệm vụ công vụ giải quyết hồ sơ và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông L, bà T là không có căn cứ để chấp nhận, nên đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án hành chính sơ thẩm nêu trên theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L, bà T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa, phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật.

+ Về việc giải quyết vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử có căn cứ pháp luật. Người kháng cáo không cung cấp được tài liệu, chứng cứ mới làm căn cứ sửa bản án hành chính sơ thẩm nêu trên. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người bị kiện, giữ nguyên quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về những người tham gia tố tụng: Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử lần thứ hai, triệu tập hợp lệ các đương sự trong vụ án. Đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện vắng mặt, đại diện theo pháp luật của Ủy ban nhân dân thành phố V và Ủy ban nhân dân phường A, thành phố V có đơn xin xét xử vắng mặt. Các đương sự đã có lời trình bày trong hồ sơ vụ án, người bị kiện đã có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp tham gia phiên tòa, và việc vắng mặt của họ tại phiên tòa phúc thẩm, không ảnh hưởng đến việc xét kháng cáo của người bị kiện. Do đó, căn cứ Điều 225 Luật tố tụng hành chính năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[1.2]. Đơn kháng cáo của Ủy ban nhân dân thành phố V hợp lệ, nên được Hội đồng xét xử xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Ủy ban nhân dân thành phố V kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử sửa bản án hành chính sơ thẩm nêu trên, theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Thanh L

và bà Lê Thu T, về việc hủy Văn bản số 6622/UBND-TNMT ngày 27/7/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố V.

[2]. Về nội dung: Xét kháng cáo của người bị kiện:

[2.1]. Ủy ban nhân dân thành phố V cho rằng Quyết định số 453/QĐ-BTNMT không công nhận quyền sử dụng đất cho ông L, mà chỉ có nội dung: *"Ủy ban nhân dân tỉnh B giao* Ủy ban nhân dân thành phố V *xem xét cho ông* Phạm Thanh L *sử dụng diện tích đất nêu trên vào mục đích sản xuất nông nghiệp"*; cũng không quy định cụ thể giao theo hình thức nào, giao đất có thu tiền sử dụng đất hay không thu; công nhận quyền sử dụng có thu tiền hay không thu; không hướng dẫn quy định pháp luật áp dụng. Tuy nhiên, Bộ T4 có Văn bản số 3469/BTNMT-TTr ngày 18/7/2019, giải đáp vướng mắc: "*Nguồn gốc diện tích đất nêu trên do ông* Phạm Thanh L *được Nông trường Quốc doanh Phước Thắng giao trái thẩm quyền từ tháng 6 năm 1985 và ông* L *đã sử dụng để sản xuất nông nghiệp, có thực hiện việc kê khai, nộp thuế sử dụng đất…Do đó,* Bộ T4 *đề nghị* Q *Ủy ban xem xét cho ông* L *sử dụng diện tích 6.703m^2 nêu trên như trường hợp Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất*".

Mặt khác, năm 1987, Nông trường Quốc doanh P giải thể. Theo Nghị định số 118/2014/NĐ-CP ngày 17/12/2014 về sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty nông, lâm nghiệp quy định:

Điều 15. Thu hồi và bàn giao đất về địa phương

1. Đất phải thu hồi của các công ty nông, lâm nghiệp bàn giao về địa phương bao gồm: Đất của các công ty giải thể; đất do thu hẹp nhiệm vụ không còn nhu cầu sử dụng; đất không sử dụng, đất công ty đang khoán trắng, sử dụng không đúng mục đích; diện tích đất đã chuyển nhượng; diện tích đất đã bán vườn cây; đất kết cấu hạ tầng không phục vụ sản xuất; đất ở theo quy hoạch của địa phương đã được phê duyệt và các loại đất khác phải thu hồi theo quy định của pháp luật về đất đai. Các công ty nông, lâm nghiệp có diện tích đất bị thu hồi phải bàn giao toàn bộ hồ sơ về quỹ đất bị thu hồi cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có đất.

2. Đất thu hồi quy định tại Khoản 1 Điều này được ưu tiên giải quyết và xử lý như sau:

b) Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất được tiếp tục sử dụng theo hình thức giao đất không thu tiền sử dụng đất hoặc thuê đất".

Nông trường Quốc doanh Phước Thắng tự giải thể, các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền tại địa phương cũng không thực hiện công tác quản lý thu hồi đất theo đúng quy định Nghị định 118/2014/NĐ-CP ngày 17/12/2014.

Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu nhận định trường hợp ông L, bà T sử dụng đất nông nghiệp cũng đủ điều kiện được giải quyết cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất "*như trường hợp Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất*" và việc công nhận đất này thuộc trường hợp không thu tiền đất; đồng thời, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ điểm d khoản 1 Điều 99; khoản 2 Điều 101 Luật Đất

đai năm 2013 và áp dụng Điều 23 Nghị định 43/ 2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ (*được bổ sung tại khoản tại khoản 19 Điều 2 Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ*); khoản 5 Điều 20 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; trong trường hợp ông L bà T có nhu cầu chuyển mục đích sử dụng theo quy hoạch thì thực hiện việc nộp tiền sử dụng đất theo quy định, là có căn cứ.

[2.2]. Ông L, bà T đã sử dụng đất từ tháng 6 năm 1985; theo bản đồ địa chính năm 1994 ông L có đăng ký sử dụng tại Sổ mục kê đất, và có tên trong Sổ đăng ký ruộng đất được Ủy ban nhân dân thành phố V duyệt y ngày 09/4/1994. Đến năm 2002, tại Quyết định số 6271, Ủy ban nhân dân tỉnh B mới giao đất rừng và lâm nghiệp nằm ngoài quy hoạch lâm nghiệp cho Ủy ban nhân dân thành phố V quản lý, tức là sau thời điểm gia đình ông L, bà T được giao đất và sử dụng đất. Tại Văn bản số 5649/UBND-TNMT ngày 31/7/2020, Ủy ban nhân dân thành phố V báo cáo về việc thực hiện Quyết định số 453 cũng khẳng định ông L "đã quản lý và đang sử dụng" diện tích đất. Tại phiên tòa phúc thẩm, người bảo vệ quyền và nghĩa vụ của người bị kiện cũng thừa nhận, (và căn cứ biên bản thẩm định tại chỗ do Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành), hiện nay diện tích đất trên do gia đình ông L sử dụng; khi ông L, bà T nộp hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thì Ủy ban nhân dân thành phố V mới đang đo vẽ, lập bản đồ, xác định ranh đất theo Quyết định số 6271/QĐ-UBND, hiện nay mới đang lên kế hoạch sử dụng đất; phần đất ông L, bà T xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng, được Ủy ban nhân dân tỉnh B phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050, là loại đất ở đô thị; một số hộ dân sử dụng đất giống trường hợp ông L, bà T, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[2.3]. Mặt khác, tại Phiếu chuyển số 654/PC-CNVPĐK ngày 29/01/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố V cũng xác nhận quá trình sử dụng đất của ông L, bà T là ổn định, không có tranh chấp, khiếu nại, quyền sử dụng đất không bị kê biên, ngăn chặn thực hiện các quyền, không có thông báo hoặc quyết định thu hồi đất; ông L và bà T đã thực hiện nghĩa vụ tài chính theo Thông báo nộp thuế của Chi cục Thuế khu vực V - C. Do vậy, trường hợp diện tích 5.367,0m^2 đất thuộc thửa đất số 21, tờ bản đồ số 93, tọa lạc tại Phường A, thành phố V của ông L, bà T nằm trong ranh đất theo Quyết định số 6271, thì ông L, bà T vẫn đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Người bị kiện căn cứ vào quy hoạch cũ để làm căn cứ không cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông L, bà T, là không có căn cứ.

[2.4]. Từ những phân tích trên cho thấy, việc Ủy ban nhân dân thành phố V ban hành Văn bản số 6622, về việc trả hồ sơ không cấp Giấy chứng nhận của ông, bà Phạm Thanh L - L tại Phường A, thành phố V, là không đúng pháp luật, ảnh hưởng đến quyền lợi của người sử dụng đất hợp pháp là ông L và bà T. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông L, bà T về việc hủy Văn bản số 6622, đồng thời, buộc Ủy ban nhân dân thành phố V thực hiện nhiệm vụ, công vụ giải quyết hồ sơ và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Phạm Thanh L, bà Lê Thu T đối với diện tích khoảng 6.191,3m^2 đất

thuộc các thửa đất số 16, 26, 55/21 (cũ 32, 33, 35), tờ bản đồ số 93 (cũ 25), tọa lạc tại Phường A, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, theo quy định của pháp luật, là có căn cứ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị kiện kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì mới, làm căn cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình. Do vậy, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của UBND thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3]. Ý kiến của người khởi kiện: có căn cứ chấp nhận.

[4]. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa: là phù hợp.

[5]. Các quyết định khác của bản án hành chính sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6]. Về án phí hành chính phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của UBND thành phố V không được chấp nhận, nên UBND thành phố V phải nộp án phí phúc thẩm, theo quy định của pháp luật.

V*ì các lẽ trên;*

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241, Điều 242 Luật tố tụng hành chính; Điều 32, Điều 33, Điều 34 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, giữ quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Ủy ban nhân dân thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

2. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2023/HC-ST ngày 04/01/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về "Khiếu kiện quyết định và hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai" giữa người khởi kiện là ông Phạm Thanh L và bà Lê Thu T với người bị kiện là Ủy ban nhân dân thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân phường A, thành phố V.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính;

Áp dụng điểm d khoản 1 Điều 99; khoản 2 Điều 101 Luật Đất đai năm 2013; khoản 5 Điều 20 và Điều 23 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ (được bổ sung tại khoản 19 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính Phủ).

2.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Thanh L và bà Lê Thu T:

2.2. Hủy Văn bản số 6622/UBND-TNMT ngày 27/7/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố V về việc trả hồ sơ không cấp Giấy chứng nhận của ông (bà) Phạm Thanh L - L tại Phường A, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

2.3. Buộc Ủy ban nhân dân thành phố V thực hiện nhiệm vụ, công vụ giải quyết hồ sơ và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Phạm Thanh L và bà Lê Thu T đối với diện tích khoảng 6.191,3m^2 đất thuộc các thửa đất số 16, 26, 55/21 (cũ 32, 33, 35), tờ bản đồ số 93 (cũ 25), tọa lạc tại Phường A, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo quy định của pháp luật.

3. Các quyết định khác của bản án hành chính sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Về án phí hành chính phúc thẩm: Buộc Ủy ban nhân dân thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 000756 ngày 13/02/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (Ủy ban nhân dân thành phố V đã nộp đủ án phí phúc thẩm).

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thu Thủy **Dương Tuấn Vinh** **Nguyễn Thị Thúy Hòa**